TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-PT
Ngày: 26/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2023/QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B. Địa chỉ: số 210 phố T, Phường T, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chuyên viên khách hàng – Tổ Khách hàng Ngân hàng TMCP B Chi nhánh S – PGD V (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Ong Tèn P, sinh năm 1965 và bà Trịnh Thị Ánh N, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: ấp G, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trịnh Thị Ánh N: Ông Lương Văn N sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà 115 đường L, khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

2. Anh Trịnh Thanh D, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

3. Anh Trịnh Thanh Q, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

4. Anh Trịnh Thanh P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

5. Anh Trịnh Thanh Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng ngụ tại địa chỉ: Đường T, khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Ông Lương Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày*: Ngày 09/12/2021, vợ chồng bà Trịnh Thị Ánh N, ông Ong Tèn P đã ký với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh S – Phòng giao dịch VHợp đồng tín dụng số: HDTD881202100335. Theo hợp đồng, ngân hàng cho vợ chồng ông P, bà N vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), mục đích vay: bổ sung vốn mua bán phụ tùng xe gắn máy, lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; thanh toán trả lãi hàng tháng vào ngày 15, trả nợ gốc đến cuối kỳ vào ngày 10/11/2022, thời hạn vay 11 tháng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông P, bà N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC881201900184 ngày 26/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC1201900184 ngày 17/02/2020, thế chấp quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09075 ngày 08/7/2019, phần đất thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 74, diện tích 453,6m2; tọa lạc tại khóm B, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trịnh Thị Hđứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 11/8/2019, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Ánh N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N vay số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 08/12/2021. Đến ngày 19/11/2022 vợ chồng ông P, bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 3.000.019 đồng và thanh toán tiền lãi được 46.682.972 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông P, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc theo thỏa thuận khi đến hạn, nên vợ chồng ông P, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết với Ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023), vợ chồng ông P, bà N còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 573.852.102 đồng, trong đó nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền nêu trên là 573.852.102 đồng, trong đó nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng.

Đồng thời, vợ chồng ông P, bà N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi vợ chồng ông P, bà N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP B.

Trường hợp, vợ chồng ông P, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm khoản vay của vợ chồng ông P, bà N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: HDTD881201900184 ngày 26/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC1201900184 ngày 17/02/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, ông Lương Văn N– người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N trình bày*:

Về thời điểm ký kết hợp đồng vay vốn, số tiền vay, lãi suất thỏa thuận, mục đích và thời hạn vay, ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP B trình bày.

Tính đến ngày 26/9/2023, vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là: 573.852.102 đồng, trong đó nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng. Tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng có giao kết là cơ cấu thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn, nhưng khoản vay mà Ngân hàng cho bà N, ông P vay với mục đích là bổ sung vốn mua bán phụ tùng xe gắn máy. Tuy nhiên, năm 2021 là thời điểm dịch Covid – 19 đang còn bùng phát nên việc kinh doanh của bà N gặp khó khăn cũng như địa điểm kinh doanh của bà N là do thuê lại mặt bằng để kinh doanh và trong quá trình kinh doanh có phát sinh là bị cơ quan thi hành án dân sự cưỡng chế tháo gỡ căn nhà thuê làm mặt bằng kinh doanh, nên dẫn đến mất cân đối về thanh toán khoản vay cho Ngân hàng, phía Ngân hàng chưa xem xét cơ cấu thời hạn trả nợ cho bà N, ông P. Mặt khác, hiện nay Ngân hàng nhà nước cũng có Thông tư hướng dẫn cơ cấu lại những khoản nợ vay do ảnh hưởng của bệnh dịch Covid - 19 mà người kinh doanh và doanh nghiệp đang gặp khó khăn. Từ những cơ sở nêu trên, bà N đề nghị phía Ngân hàng TMCP B xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay cho bà N, ông P.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý việc bị đơn yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho bị đơn.

Đối với bị đơn ông Ong Tèn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn L, anh Trịnh Thanh D, anh Trịnh Thanh Q, anh Trịnh Thanh P và anh Trịnh Thanh Q, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên nhưng tất cả đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 148/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023, đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 325, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N liên đới thanh toán tổng số tiền là 573.852.102 đồng, trong đó nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng của Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100335 ngày 09/12/2021.

- Buộc bị đơn vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 573.852.102 đồng *(Năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn một trăm lẻ hai đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng.

2. Kể từ ngày 27/9/2023, vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông P, bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

3. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTD881201900184 ngày 26/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC1201900184 ngày 17/02/2020. Tài sản thế chấp nêu trên là quyền sử dụng đất diện tích 453,6m2 (loại đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 11; tờ bản đồ số 74, tọa lạc tạc khóm 4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09075 ngày 08/7/2019, của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trịnh Thị H đứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 11/8/2019, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Ánh N.

Buộc vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trịnh Văn L, các con của ông L bao gồm: anh Trịnh Thanh D, anh Trịnh Thanh Q, anh Trịnh Thanh P và anh Trịnh Thanh Q

cùng bàn giao tài sản thế chấp nêu trên (trong đó có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) cho cơ quan thi hành án để phát phát theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 05/10/2023, ông Lương Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng cho bị đơn cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trịnh Thị Ánh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Ông Ong Tèn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Thanh D, ông Trịnh Thanh Q, ông Trịnh Thanh P, ông Trịnh Thanh Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất về thời điểm ký kết hợp đồng vay vốn, số tiền vay, lãi suất, mục đích và thời hạn vay. Tính đến ngày 26/9/2023, vợ chồng ông P, bà N còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là 573.852.102 đồng, trong đó nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng.

[4]. Mặc dù tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng số HDTD881202100335 có quy định về cơ cấu thời hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn, nhưng nội dung trong Điều 6 như sau:

"*6.1. Trước 10 ngày của kỳ hạn, thời hạn trả nợ (gốc và/hoặc lãi), nếu Bên Vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ cho Ngân Hàng. Ngân Hàng có thể điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ đã nêu tại khoản 4.1 và khoản 4.2 Điều 4 Hợp Đồng trên cơ sở xem xét đề nghị của Bên Vay. Khi Ngân Hàng đang xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ không đồng nghĩa với việc Bên Vay được phép chậm thực hiện/thực hiện không đúng nghĩa vụ đã quy định trong Hợp Đồng, trừ khi có thông báo bằng văn bản đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ của Ngân Hàng.*

6.2. Nếu Bên Vay có phương án, kế hoạch trả nợ khả thi và được Ngân Hàng đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, thì toàn bộ dư nợ tại Hợp Đồng sẽ được tính lãi với mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân Hàng trên cơ sở quy định tại Điều 2 Hợp đồng.

6.3. Nếu Bên Vay không trả nợ đúng hạn (gốc và/hoặc lãi) và không được Ngân Hàng đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ thì Ngân Hàng có quyền thực hiện việc chuyển nợ quá hạn theo quy định của Ngân Hàng và tiến hành thu lãi theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Hợp Đồng…".

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N thừa nhận rằng khi đến trước kỳ hạn trả nợ bị đơn không có giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cũng như không có phương án, kế hoạch trả nợ và do điều kiện khách quan nên không trả nợ gốc và lãi theo đúng hạn như trong Điều 6 của hợp đồng tín dụng quy định, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[6]. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đối với hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP B ký kết với vợ chồng bà Trịnh Thị Ánh N, ông Ong Tèn P, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[7]. Từ những phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N.

[8]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[10]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2023/DS-ST, ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 325, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

- Buộc bị đơn là vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 573.852.102 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn một trăm lẻ hai đồng*). Trong đó, nợ gốc là 496.999.981 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.506.481 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.345.640 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD881202100335 ngày 09/12/2021.

2. Kể từ ngày 27/9/2023, vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông P, bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

3. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTD881201900184 ngày 26/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC1201900184 ngày 17/02/2020. Tài sản thế chấp nêu trên là quyền sử dụng đất diện tích 453,6m^2 (loại đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 11; tờ bản đồ số 74, tọa lạc tạc khóm 4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 755369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09075 ngày 08/7/2019, của Sở Tài nguyên – Môi

trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Trịnh Thị H đứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 11/8/2019, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Ánh N.

Buộc vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trịnh Văn L, các con của ông L bao gồm: ông Trịnh Thanh D, ông Trịnh Thanh Q, ông Trịnh Thanh P và ông Trịnh Thanh Q cùng bàn giao tài sản thế chấp nêu trên (trong đó có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) cho cơ quan thi hành án để phát phát theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.065.803 đồng theo biên lai thu số 0007920 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N phải liên đới nộp 26.954.084 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Ong Tèn P, bà Trịnh Thị Ánh N phải liên đới chịu số tiền là 550.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông P, bà N phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP B.

6. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Trịnh Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào sô tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0008511 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy bị đơn đã nộp xong án phí.

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã V;
- Chi cục THADS thị xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định